

Số: /QĐ-UBND

Quảng Nam, ngày tháng 02 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Phương án Quản lý rừng bền vững giai đoạn 2021-2030
của Ban Quản lý Khu bảo tồn loài và sinh cảnh Sao la**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đa dạng sinh học ngày 13/11/2008;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15/11/2017;

Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 27/2018/TT-BTNMT ngày 14/12/2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về thống kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất;

Căn cứ Thông tư số 28/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về quản lý rừng bền vững;

Căn cứ Quyết định số 522/QĐ-UBND ngày 16/02/2011 của UBND tỉnh Quảng Nam về việc thành lập Ban quản lý Khu Bảo tồn loài Sao la;

Căn cứ Quyết định số 2265/QĐ-UBND ngày 13/7/2012 của UBND tỉnh Quảng Nam về việc phê duyệt đề án thành lập Khu Bảo tồn loài và sinh cảnh Sao la;

Căn cứ Quyết định số 4379/QĐ-UBND ngày 13/12/2016 của UBND tỉnh Quảng Nam về việc phê duyệt kết quả kiểm kê rừng tỉnh Quảng Nam;

Căn cứ Quyết định số 120/QĐ-UBND ngày 11/01/2017 của UBND tỉnh Quảng Nam về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2011-2020;

Căn cứ Quyết định số 2468/QĐ-UBND ngày 01/8/2019 của UBND tỉnh Quảng Nam ban hành Đề án tổ chức lại Chi cục Kiểm lâm Quảng Nam và các Ban Quản lý rừng;

Căn cứ Quyết định số 2936/QĐ-UBND ngày 16/9/2019 của UBND tỉnh Quảng Nam về việc chuyển giao các Ban Quản lý: Khu Bảo tồn thiên nhiên Sông Thanh; Khu bảo tồn loài Sao la; Khu Bảo tồn loài và sinh cảnh Voi; Rừng phòng hộ Phú Ninh và Ven biển Quảng Nam từ Chi cục Kiểm lâm về trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 623/QĐ-UBND ngày 11/3/2020 của UBND tỉnh Quảng Nam phê duyệt, công bố số liệu hiện trạng rừng năm 2019 trên địa bàn tỉnh Quảng Nam;

Xét đề nghị của Ban Quản lý Khu bảo tồn loài và sinh cảnh Sao la tại Tờ trình số 14/TTr-BQL ngày 12/01/2021 về việc thẩm định, phê duyệt Phương án Quản lý rừng bền vững Khu bảo tồn loài và sinh cảnh Sao la (kèm theo các hồ sơ liên quan);

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 37/TTr-SNNPTNT ngày 27/01/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Phương án quản lý rừng bền vững giai đoạn 2021- 2030 của Ban Quản lý Khu bảo tồn loài và sinh cảnh Sao la; với nội dung chính như sau:

1. Đặc điểm hiện trạng của đơn vị

a) Thông tin chung

- Tên chủ rừng: Ban Quản lý Khu Bảo tồn loài và sinh cảnh Sao la.
- Địa chỉ: Xã Bhalêê, huyện Tây Giang, tỉnh Quảng Nam.
- Diện tích: 15.486,46 ha.
- Vị trí: Nằm trên địa bàn của các xã: Bhalêê và A Vương, huyện Tây Giang; xã Tà Lu và Sông Kôn, huyện Đông Giang, tỉnh Quảng Nam.

b) Hiện trạng sử dụng đất và tài nguyên rừng

- Hiện trạng sử dụng đất

Tổng diện tích đất được giao quản lý là: 15.486,46 ha. Hiện trạng sử dụng đất được phân theo đơn vị hành chính cấp xã như sau:

TT	Loại đất	Mã	Tổng diện tích đất	Xã Bhalêê	Xã A Vương	Xã Tà Lu	Xã Sông Kôn	Ghi chú
I	Tổng diện tích đất		15.486,46	2.559,93	6.072,64	4.527,31	2.326,58	
1	Đất nông nghiệp	NNP	-	-	-	-	-	
1.2	Đất lâm nghiệp	LNP	15.486,46	2.559,93	6.072,64	4.527,31	2.326,58	
1.2.1	Đất rừng sản xuất	RSX	-	-	-	-	-	
1.2.2	Đất rừng phòng hộ	RPH	-	-	-	-	-	
1.2.3	Đất rừng đặc dụng	RDD	15.486,46	2.559,93	6.072,64	4.527,31	2.326,58	

- Hiện trạng tài nguyên rừng

Tổng diện tích rừng và đất rừng của Ban Quản lý Khu Bảo tồn loài và sinh cảnh Sao la là: 15.486,46 ha, trong đó:

+ Hiện trạng rừng phân theo quy hoạch 3 loại rừng như sau:

TT	PHÂN LOẠI RỪNG	Mã	Rừng đặc dụng	Ghi chú
	TỔNG CỘNG		15.486,46	
I	RỪNG PHÂN THEO NGUỒN GỐC HÌNH THÀNH	1100	15.400,37	
1	Rừng tự nhiên	1110	15.398,15	
	- Rừng nguyên sinh	1111		
	- Rừng thứ sinh	1112	15.398,15	

TT	PHÂN LOẠI RỪNG	Mã	Rừng đặc dụng	Ghi chú
2	Rừng trồng	1120	2,22	
	- Trồng mới trên đất chưa có rừng	1121		
	- Trồng lại sau khi khai thác rừng trồng đã có	1122	2,22	
II	RỪNG PHÂN THEO ĐIỀU KIỆN LẬP ĐỊA	1200	15.400,37	
1	Rừng trên núi đất	1210	15.400,37	
III	RỪNG PHÂN THEO LOÀI CÂY	1300	15.398,15	
1	Rừng gỗ tự nhiên	1310	15.398,15	
	- Rừng gỗ lá rộng TX hoặc nửa rụng lá	1311	15.398,15	
IV	RỪNG GỖ TỰ NHIÊN PHÂN THEO TRỮ LƯỢNG	1400	15.398,15	
1	Rừng giàu	1410	3.360,20	
2	Rừng trung bình	1420	8.870,38	
3	Rừng nghèo	1430	2.791,81	
4	Rừng nghèo kiệt	1440		
5	Rừng chưa có trữ lượng (< 10m ³)	1450	375,76	
V	DIỆN TÍCH CHƯA CÓ RỪNG	2000	86,09	
1	Diện tích có cây gỗ tái sinh đang trong giai đoạn khoanh nuôi, phục hồi để thành rừng	2020	45,53	
2	Diện tích khác đang được sử dụng để bảo vệ và phát triển rừng	2030	40,56	

+ Tổng trữ lượng các loại rừng: 2.712.554 m³. Trong đó rừng gỗ tự nhiên có trữ lượng 2.712.376 m³, gồm:

Rừng giàu: 971.098 m³.

Rừng trung bình: 1.496.167 m³.

Rừng nghèo: 245.111 m³.

+ Đa dạng loài thực vật rừng, động vật rừng chủ yếu:

Đa dạng thực vật rừng:

TT	Ngành thực vật	Số bộ	Số họ	Số loài
1	Ngành Dương xỉ (<i>Polypodiophyta</i>)	11	27	181
2	Ngành thực vật hạt trần (<i>Gymnospermatophyta</i>)	3	6	22
3	Ngành thực vật hạt kín (<i>Magnoliophyta</i>)	19	144	538
Cộng		33	177	741

Đa dạng động vật rừng:

TT	Lớp	Số bộ	Số họ	Số loài
1	Thú (Mammalia)	9	23	64
2	Chim (Bird)	9	29	135
3	Bò sát (Reptile)	2	24	118
4	Ếch, nhái (True Frog)	1	9	128
Cộng		21	85	445

2. Mục tiêu

- Quản lý bảo vệ, phát triển bền vững toàn bộ diện tích rừng và đất rừng hiện có, nhằm bảo tồn đa dạng sinh học các hệ sinh thái rừng; bảo vệ và phục hồi các loài đặc hữu và các loài động thực vật nguy cấp, quý hiếm khác; bảo vệ đất chống xói mòn, điều tiết duy trì nguồn nước; giảm số vụ vi phạm Luật Lâm nghiệp.

- Giải quyết việc làm, tăng thu nhập, ổn định sinh kế, nâng cao đời sống người dân địa phương thông qua việc tham gia các hoạt động bảo vệ phát triển rừng, bảo tồn đa dạng sinh học, chia sẻ lợi ích từ việc cung ứng các loại dịch vụ môi trường; nâng cao nhận thức về quản lý rừng; từng bước hoàn thiện kết cấu hạ tầng.

- Tạo ra giá trị kinh tế từ các hoạt động bảo vệ rừng; bảo tồn đa dạng sinh học; cung ứng các loại dịch vụ môi trường rừng, du lịch sinh thái nghỉ dưỡng, thuê môi trường rừng để trồng dược liệu, lâm sản ngoài gỗ và các hoạt động khác nhằm tạo nguồn tài chính bền vững cho chủ rừng và cộng đồng dân cư tại chỗ.

3. Kế hoạch triển khai thực hiện

a) Kế hoạch sử dụng đất

Tổng diện tích đất được giao cho **Ban Quản lý Khu bảo tồn loài và sinh cảnh Sao la** là: 15.486,46 ha.

Kế hoạch sử dụng đất cho giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030: sử dụng toàn bộ diện tích trên cho mục đích đất rừng đặc dụng.

b) Kế hoạch khoán bảo vệ và phát triển rừng cho hộ gia đình, cộng đồng dân cư tại chỗ

Kế hoạch khoán: tổ chức khoán bảo vệ rừng ổn định hàng năm trên diện tích 8.948,42 ha rừng tự nhiên cho các nhóm hộ gia đình theo đề án chi trả dịch vụ môi trường rừng.

c) Kế hoạch quản lý, bảo vệ rừng, bảo tồn đa dạng sinh học

- Bảo vệ rừng

+ Đối tượng là toàn bộ diện tích rừng và đất rừng được giao quản lý là: 15.486,46 ha, thuộc phạm vi 22 tiểu khu rừng và nằm trên địa phận của các xã Bhalê và A Vương, huyện Tây Giang; xã Tà Lu và Sông Kôn, huyện Đông Giang.

+ Biện pháp thực hiện

Tổ chức bảo vệ rừng thông qua việc tổ chức hoạt động của lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng; khoán bảo vệ rừng với cộng đồng dân cư, người dân địa phương.

Cắm mốc ranh giới, bảng ranh giới nhằm phân định ranh giới khu bảo tồn và giảm thiểu tình trạng xâm lấn tài nguyên rừng.

Tổ chức thường xuyên các hoạt động tuần tra kiểm soát rừng, truy quét các điểm nóng nhằm phát hiện, ngăn chặn và xử lý kịp thời các hành vi xâm hại đến rừng và đất rừng theo quy định của pháp luật.

Duy trì tổ chức và hoạt động tuần tra của các Tổ Bảo vệ rừng (Forest Guard) tại các mô hình hiện có.

Xây dựng và thực hiện quy chế phối hợp giữa chủ rừng, lực lượng kiểm lâm với ngành chức năng, chính quyền địa phương để nâng cao hiệu quả công tác bảo vệ rừng.

Xây dựng và thực hiện phương án tài chính bền vững cho khu bảo tồn để bảo đảm nguồn lực cho các hoạt động quản lý bảo vệ rừng.

Đầu tư hạ tầng, mua sắm các trang thiết bị giúp triển khai các hoạt động bảo vệ rừng và bảo tồn đa dạng sinh học.

- Phòng cháy và chữa cháy rừng

- + Đối tượng là toàn bộ diện tích rừng được giao, đặc biệt là ở những khu vực có nguy cơ cháy rừng cao.

- + Biện pháp thực hiện:

Xây dựng phương án phòng cháy, chữa cháy rừng và tổ chức diễn tập phòng chống cháy rừng hàng năm.

Tổ chức trực cháy vào mùa khô hàng năm nhằm phát hiện sớm cháy rừng và nguy cơ cháy rừng để hạn chế xảy ra cháy rừng.

Đầu tư cơ sở hạ tầng, phương tiện, trang thiết bị giúp triển khai các hoạt động phòng cháy, chữa cháy rừng hiệu quả.

- Phòng trừ sinh vật gây hại rừng

Tổ chức điều tra, nghiên cứu và đề xuất các giải pháp phòng trừ sinh vật gây hại rừng.

- Bảo tồn đa dạng sinh học và khu rừng có giá trị bảo tồn cao

- + Bảo vệ các giá trị đa dạng sinh học nhằm phục hồi các sinh cảnh tự nhiên bị suy thoái, phục hồi phát triển loài động thực vật trong khu bảo tồn. Đặc biệt tăng số lượng cá thể Sao la và duy trì các mối quan hệ sinh học giữa Sao la và các loài động thực vật một cách ổn định, bền vững.

- + Biện pháp thực hiện:

Xây dựng và vận hành cơ sở dữ liệu về tài nguyên rừng và đa dạng sinh học của khu bảo tồn.

Xây dựng và thực hiện đề án phát triển các loài dược liệu và lâm sản ngoài gỗ có giá trị bảo tồn cao.

Biên soạn và quảng bá tài liệu diễn giải tài nguyên rừng và các giá trị đa dạng sinh học của khu bảo tồn.

Đánh giá nhu cầu bảo tồn theo giai đoạn 2021-2025 và giai đoạn 2025-2030 để xác định các khó khăn thách thức mà khu bảo tồn đang đối mặt.

Tham quan học hỏi và chia sẻ kinh nghiệm giám sát, bảo tồn đa dạng sinh học, cứu hộ động vật rừng nhằm nâng cao năng lực quản lý, giám sát và báo cáo của khu bảo tồn.

Xây dựng hạ tầng phục vụ công tác bảo vệ rừng và bảo tồn đa dạng sinh học.

d) Kế hoạch nghiên cứu khoa học, giảng dạy, đào tạo nguồn nhân lực

- Kế hoạch triển khai các chương trình, đề tài, dự án nghiên cứu khoa học

Tổ chức thực hiện các dự án nghiên cứu khoa học theo danh mục nhằm phục vụ tốt công tác quản lý, bảo vệ rừng và bảo tồn đa dạng sinh học, gồm: đặc điểm sinh thái học của các loài động vật nguy cấp, quý hiếm; bảo tồn một số loài linh trưởng quan trọng; diễn biến rừng, tăng trưởng **lâm phân** thông qua hệ thống ô định vị; một số loài cây dược liệu và lâm sản ngoài gỗ có giá trị cao; phục hồi thảm thực vật rừng với đa dạng loài cây bản địa làm thức ăn cho động vật.

- Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực

Đào tạo, bồi dưỡng cho cán bộ, nhân viên của khu bảo tồn để nâng cao năng lực nghiên cứu chuyên sâu điều tra, giám sát về bảo tồn đa dạng sinh học.

Danh mục bao gồm: Đào tạo về ứng dụng phần mềm, trang thiết bị trong công tác quản lý bảo vệ rừng, bảo tồn đa dạng sinh học; đào tạo sau đại học; tập huấn kỹ năng bảo tồn, cứu hộ động vật, thực vật hoang dã; kỹ năng làm việc cộng đồng, tập trung vào các cộng đồng dân tộc thiểu số, đào tạo học tiếng địa phương, phương pháp truyền thông, thực thi pháp luật, điều tra và giám sát đa dạng sinh học.

e) Kế hoạch phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí

- Kế hoạch phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong khu bảo tồn nhằm tạo cơ chế tăng nguồn thu từ kinh doanh du lịch sinh thái góp phần đẩy nhanh tiến trình thực hiện phương án tự chủ tài chính cho chủ rừng.

- Nội dung cơ bản bao gồm:

+ Xây dựng và triển khai thực hiện 01 đề án phát triển du lịch sinh thái, cho thuê môi trường rừng tại các địa điểm có tiềm năng về du lịch nghỉ dưỡng, cảnh quan tự nhiên đẹp, nguyên sơ...

+ Xây dựng và triển khai thực hiện 01 bộ tài liệu truyền thông quảng bá phát triển du lịch sinh thái giúp nâng cao nhận thức và khuyến khích cộng đồng dân cư địa phương tham gia hoạt động du lịch sinh thái.

+ Xây dựng và triển khai thực hiện 02 mô hình Du lịch sinh thái cộng đồng tổ chức thí điểm tại thôn Dang, xã Bhalêê, huyện Tây Giang và thôn Aréc, xã A Vương, huyện Đông Giang.

g) Xây dựng hạ tầng phục vụ quản lý bảo vệ, phát triển rừng

Kế hoạch bao gồm các hạng mục xây dựng chính như sau:

- Xây dựng mới hệ thống cơ sở hạ tầng để phục vụ công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng gồm trụ sở trung tâm hành chính, các trạm bảo vệ rừng; vườn sưu tập và lưu trữ nguồn gen thực vật; nhà trưng bày mẫu động vật, thực vật và giáo dục môi trường, các công trình hạ tầng phục vụ quản lý, bảo vệ, phát triển rừng khác.

- Xây dựng mới hệ thống cơ sở hạ tầng để phục vụ tốt công tác bảo vệ rừng, phòng cháy chữa cháy rừng gồm:

+ Cơ sở hạ tầng: các chòi quan sát canh lửa rừng; hệ thống bảng dự báo cấp cháy rừng, các biển thông tin tuyên truyền, các biển cấm lửa rừng, biển cấm chặt phá rừng, săn bắt động vật rừng.

+ Mua sắm 01 bộ trang thiết bị phục vụ cho công tác bảo vệ rừng, phòng cháy chữa cháy rừng.

h) Hoạt động dịch vụ cho cộng đồng

- Các dịch vụ cho cộng đồng nhằm hỗ trợ phát triển sinh kế cho người dân sống ven rừng và giảm áp lực đối với tài nguyên thiên nhiên trong khu bảo tồn.

- Nội dung: Rà soát quỹ đất lâm nghiệp trong các vùng đệm, tư vấn quy hoạch sử dụng hợp lý và bền vững nguồn tài nguyên rừng; xây dựng dự án đầu tư phát triển vùng đệm; phối hợp với chính quyền địa phương đề giải quyết dứt điểm các trường hợp đang sử dụng đất rừng đặc dụng để sản xuất nông nghiệp; hỗ trợ xây dựng và thực hiện Kế hoạch bảo tồn cấp thôn, bản; trồng rừng trên diện tích đất nghèo, đất chưa có rừng (uoi, quế, lòn bon, bời lời đỏ); xây dựng các mô hình phát triển sinh kế cộng đồng - Mô hình nông lâm nghiệp sinh thái; phát triển các sáng kiến bảo tồn dựa vào cộng đồng thông qua các nhóm hành động, các câu lạc bộ xanh, vv...

i) Hoạt động chi trả dịch vụ môi trường rừng, thuê môi trường rừng

Các loại dịch vụ được tiến hành:

- Điều tiết, duy trì nguồn nước cho sản xuất và đời sống xã hội: cung ứng dịch vụ điều tiết, duy trì nguồn nước cho các nhà máy sản xuất thủy điện với diện tích: 15.193 ha.

- Bảo vệ, duy trì vẻ đẹp cảnh quan tự nhiên, bảo tồn đa dạng sinh học hệ sinh thái rừng cho kinh doanh dịch vụ du lịch: tự tổ chức hoặc cung ứng cho các tổ chức kinh doanh du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí theo đề án Phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí được phê duyệt.

k) Hoạt động tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật

Triển khai nội dung tuyên truyền tại các thôn, xã vùng đệm thông qua các buổi họp xã, họp thôn nhằm nâng cao nhận thức của người dân về vai trò và tầm quan trọng của rừng đối với đời sống xã hội, các quy định của pháp luật về nghĩa vụ, trách nhiệm của người dân trong việc tham gia bảo vệ rừng.

Kế hoạch bao gồm: Tổ chức hội nghị tuyên truyền giáo dục, nâng cao nhận thức; xây dựng chiến lược giáo dục và nâng cao nhận thức cho cộng đồng địa phương; thực hiện các hoạt động giáo dục môi trường cho học sinh tiểu học và trung học cơ sở ở vùng đệm; hợp đồng xây dựng các ấn phẩm truyền thông.

l) Theo dõi diễn biến tài nguyên rừng; điều tra, kiểm kê rừng

- Theo dõi diễn biến tài nguyên rừng

Theo dõi diễn biến tài nguyên rừng được thực hiện thường xuyên, kịp thời theo quy định đối với toàn bộ diện tích trong lâm phận theo Thông tư số 33/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định về điều tra, kiểm kê và theo dõi diễn biến rừng.

Thực hiện giám sát đa dạng sinh học bằng công nghệ cao: sử dụng **bẫy ảnh** trong giám sát động vật bằng thiết bị thu âm; giám sát đa dạng các loài động vật bằng bẫy ảnh.

- Điều tra, kiểm kê rừng

Thực hiện nhiệm vụ điều tra, kiểm kê rừng theo quy định trên toàn bộ diện tích của khu bảo tồn, trong đó chú trọng: Điều tra tình trạng và phân bố, xây dựng

bản đồ các loài động, thực vật quý hiếm theo Nghị định 06/2019/NĐ-CP ngày 22/01/2019 của Chính phủ về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và thực thi công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp; điều tra bổ sung, cập nhật danh mục các loài động thực vật tại khu bảo tồn; điều tra, đánh giá hiện trạng, phân bố lâm sản ngoài gỗ có giá trị bảo tồn cao; điều tra bổ sung và xây dựng hồ sơ Khu rừng có giá trị đa dạng sinh học cao (HCV); kiểm kê rừng khu bảo tồn loài Sao la theo chương trình kiểm kê rừng toàn quốc.

m) Chứng chỉ quản lý rừng bền vững

Kế hoạch hoạt động để được cấp chứng chỉ rừng cho khu bảo tồn gồm:

Diện tích rừng tự nhiên được cấp Chứng chỉ quản lý rừng bền vững là: 15.398 ha. Loại Chứng chỉ quản lý rừng bền vững: FSC (Chứng chỉ quản lý rừng bền vững do tổ chức quốc tế cấp).

Nội dung: Chứng chỉ quản lý rừng sử dụng cho dịch vụ bảo tồn và lưu trữ các bon; chứng chỉ quản lý rừng bền vững cho dịch vụ hệ sinh thái rừng.

4. Khái toán nhu cầu vốn và nguồn vốn đầu tư

a) Tổng hợp nhu cầu vốn

Tổng nhu cầu vốn thực hiện phương án quản lý rừng bền vững cho giai đoạn 2021-2030 là: 144.901.600.000 đồng (*Một trăm bốn mươi bốn tỷ, chính trăm lẻ một triệu, sáu trăm ngàn đồng*).

b) Dự kiến nguồn vốn đầu tư

- Nguồn cung ứng DVMTR: 66.510.192.000 đồng, (chiếm 45,90%).

- Nguồn vốn ODA: 2.650.000.000 đồng, (chiếm 1,83 %).

- Nguồn vốn khác: 57.199.016.000 đồng, (chiếm 39,47%).

- Nguồn ngân sách Nhà nước: 18.542.392.000 đồng, (chiếm 12,80%).

trong đó:

+ Nguồn vốn sự nghiệp: 6.842.392.000 đồng.

+ Nguồn vốn đầu tư: 11.700.000.000 đồng.

c) Phân kỳ vốn đầu tư: Tổng vốn: 144.901.600.000 đồng, trong đó:

- Giai đoạn 2021-2025: 81.293.800.000 đồng.

- Giai đoạn 2026-2030: 63.607.800.000 đồng.

5. Giải pháp thực hiện

Phương án quản lý rừng bền vững của Khu bảo tồn loài và sinh cảnh Sao la được triển khai thực hiện thông qua hệ thống các giải pháp về công tác quản lý, nguồn nhân lực; phối hợp với các bên liên quan; khoa học, công nghệ; nguồn vốn, huy động nguồn vốn đầu tư và các giải pháp khác.

Trên cơ sở Phương án quản lý rừng bền vững được phê duyệt, hàng năm Ban quản lý Khu bảo tồn loài và sinh cảnh Sao la có trách nhiệm xây dựng kế hoạch, dự án cụ thể cho từng hoạt động trình cấp có thẩm quyền phê duyệt để triển khai thực hiện.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Ban Quản lý Khu bảo tồn loài và sinh cảnh Sao la chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện theo đúng nội dung phương án được duyệt; kiểm tra, giám sát nội bộ, đánh giá các hoạt động theo kế hoạch kiểm tra, giám sát thực hiện phương án, báo cáo kết quả thực hiện phương án về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo quy định.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tham mưu UBND tỉnh bố trí kinh phí để Ban Quản lý Khu bảo tồn loài và sinh cảnh Sao la thực hiện phương án.

3. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra việc triển khai thực hiện của Ban Quản lý Khu bảo tồn loài và sinh cảnh Sao la đảm bảo đúng quy định và nội dung phương án được duyệt; hằng năm (trước ngày 15/12) tổng hợp tình hình xây dựng và thực hiện phương án quản lý rừng bền vững trên địa bàn tỉnh báo cáo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND tỉnh theo quy định.

4. Các Sở, ngành liên quan và UBND các huyện: Đông Giang, Tây Giang có trách nhiệm phối hợp, tạo điều kiện để Ban Quản lý Khu bảo tồn loài và sinh cảnh Sao la thực hiện có hiệu quả phương án quản lý rừng bền vững trong lâm phận được giao quản lý.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Công Thương; Giám đốc Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng; Chi cục trưởng Chi cục Kiểm lâm; Chủ tịch UBND các huyện: Đông Giang, Tây Giang; Giám đốc Ban quản lý Khu bảo tồn loài và sinh cảnh Sao la và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- CPVP;
- Lưu: VT, TH, KTTH, KTN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Hồ Quang Bửu